| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2022
V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Huỳnh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

2. Ông Trần Hữu Thiện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh T tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 08, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh T; có đơn đề nghị vắng mặt.

*Bị đơn*: Ông **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 08, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh T; có đơn đề nghị vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17-02-2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông N sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống không có hạnh phúc do ông N không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và nhà chửi mắng bà bằng nhiều lời lẽ thô tục xúc phạm bà, xúc phạm cả cha mẹ bà. Bà đã cố gắng nhường nhịn để và khuyên ông N thay đổi và cùng bà chăm lo cuộc sống gia đình, nhưng ông N vẫn không thay đổi còn chửi mắng bà nhiều hơn. Từ đó dẫn đến bà và ông N bất đồng quan điểm, hôn nhân không có hạnh phúc, gây áp lực tinh thần. Hiện nay bà và ông N không còn tình cảm, không thể hàn gắn được,

mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông N có 02 con chung tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Đài L, sinh năm 1995. Hiện tại các con chung sức khỏe bình thường và đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận phân Ca không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26-5-2022, bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày*: Ông thừa nhận lời trình bày của bà C là đúng về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Kim C. Khi ly hôn, về con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh T*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Minh N.

- Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Kim C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Minh N. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Minh N có nơi cư trú tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, Huyện Dương Minh Châu nên Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Minh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà C và ông N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó giữa bà C và ông N không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử không công nhận bà C và ông N là vợ chồng là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Bà C, ông N thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Đài L, sinh năm 1995. Hiện con chung đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C đối với ông Nguyễn Minh N.

Tuyên bố: Không công nhận bà Nguyễn Kim C với ông Nguyễn Minh N là vợ chồng.

**2**. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Đài L, sinh năm 1995 đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

**3**. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4**. Về án phí: Bà Nguyễn Kim C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà C đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012120 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh T; bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND H. D;
- Chi cục THADS H. D;
- TAND tỉnh T;
- UBND xã B;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**(ĐÃ KÝ)**

**Lê Huỳnh Châu**